

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **359/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 09 - 12 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Minh.

Ông Trịnh Văn Điệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà D Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 662/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 279/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều N, sinh năm 1974.

- *Bị đơn:* Ông Phan Minh D, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Vào năm 2003 bà N và ông D được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/9/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 95/2016). Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Phan Dương L, sinh 05/4/2004 và Phan Hoài L, sinh 12/5/2006.

Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn

nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Bà N yêu cầu ly hôn với anh D; về con chung hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dạy, bà N yêu cầu được 02 con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghỉ vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật và phương thức cấp dưỡng 01 tháng cấp dưỡng 01 lần; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

- **Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 06/11/2020 có tại hồ sơ, thể hiện:** Cháu D L và cháu Hoài L có nguyện vọng được sống với bà N khi bà N và ông D ly hôn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ và phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng bà N và ông D không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông D 02 lần để hòa giải nhưng ông D đều không đến, nên có căn cứ xác định ông D không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N, do đó xác định bà N và ông D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân

và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 95/2016 ngày 19/9/2016 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hoài L và cháu D L đã từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng được sống với bà N, do đó cần giao cho bà N trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà N, nếu ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà N yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D về việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, các con được giao cho bà N trực tiếp nuôi dạy, do đó cần buộc ông D cấp dưỡng cho cháu Hoài L và cháu D L là phù hợp; đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng, xét thấy để đảm bảo về điều kiện tài chính nuôi dạy các con chung về sau, nên việc bà N yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ, do đó cần buộc ông D cấp dưỡng cho cháu Hoài L và cháu D L mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà N cho rằng tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên chưa có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa bà N và ông D. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông D phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về nội dung:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều N.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Kiều N ly hôn với ông Phan Minh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 95/2016 ngày 19/9/2016 của UBND xã Khánh Bình Tây hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dạy cháu Phan Dương L, sinh 05/4/2004 và cháu Phan Hoài L, sinh 12/5/2006.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà N, nếu ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phan D L, sinh 05//4/2004 và cháu Phan Hoài L, sinh 12/5/2006 mỗi cháu với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 09/12/2020. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông D chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng ông D còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004039 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Ông D phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản

án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- **UBND xã K;**
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**